UED Journal of Social Sciences, Humanities & Education, ISSN: 1859 - 4603
https://doi.org/10.47393/jshe.vol16.i1.3961

TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI, NHÂN VĂN VÀ GIÁO DỤC

SỰ ĐIỀU CHỈNH CHIẾN LƯỢC AN NINH CỦA HOA KỲ TẠI ẤN ĐỘ DƯƠNG - THÁI BÌNH DƯƠNG DƯỚI CHÍNH QUYỀN TỔNG THỐNG DONALD TRUMP 2.0

Nguyễn Hùng Vương[a], Bùi Thanh Thúy[b], Inthaphonh Latdavanh[c]
[a, b]Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng
[c]Tổng Lãnh sự quán Lào tại thành phố Đà Nẵng
Tác giả liên hệ: Nguyễn Hùng Vương - Email: nhvuong@ufl.udn.vn
Ngày nhận bài: 10-4-2026; ngày nhận bài sửa: 21-5-2026; ngày duyệt đăng: 30-5-2026

Tóm tắt: Bài viết phân tích sự điều chỉnh chiến lược an ninh của Hoa Kỳ tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương dưới chính quyền Tổng thống Donald Trump 2.0 trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung tiếp tục gia tăng, trật tự khu vực biến động sâu sắc và các vấn đề an ninh truyền thống đan xen ngày càng chặt chẽ với kinh tế, công nghệ, chuỗi cung ứng và năng lực kiểm soát các nguồn lực chiến lược. Trên cơ sở tiếp cận phân tích chính sách, phân tích hệ thống và tổng hợp tài liệu thứ cấp, bài viết cho thấy chính quyền Trump 2.0 có xu hướng tiếp tục nhấn mạnh cách tiếp cận "Nước Mỹ trên hết", nhưng được triển khai trong một môi trường chiến lược phức tạp hơn so với nhiệm kỳ đầu. Theo đó, chiến lược an ninh của Hoa Kỳ không chỉ tập trung vào duy trì ưu thế quân sự và củng cố liên minh mà còn mở rộng sang các công cụ địa kinh tế, kiểm soát công nghệ, bảo vệ chuỗi cung ứng, cạnh tranh khoáng sản thiết yếu và tái định vị quan hệ với các đối tác khu vực. Sự điều chỉnh này vừa tạo sức ép đối với Trung Quốc nhưng cũng vừa làm gia tăng tính phân cực và bất định trong cấu trúc an ninh Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Đối với Việt Nam, những biến động trên mở ra cơ hội thúc đẩy hợp tác với Hoa Kỳ trong các lĩnh vực kinh tế, công nghệ, an ninh biển và chuỗi cung ứng, nhưng đồng thời cũng đặt ra thách thức trong việc duy trì cân bằng chiến lược, bảo đảm tự chủ đối ngoại và hạn chế nguy cơ bị cuốn vào cạnh tranh nước lớn.

Từ khóa: Hoa Kỳ; Trump 2.0; Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương; an ninh khu vực; cạnh tranh Mỹ - Trung; Việt Nam.

1. Giới thiệu

Khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đang trở thành không gian trung tâm của cạnh tranh chiến lược toàn cầu trong những thập niên đầu thế kỷ XXI. Đây không chỉ là khu vực tập trung các tuyến hàng hải, chuỗi cung ứng, trung tâm công nghệ và các nền kinh tế năng động bậc nhất thế giới mà còn là địa bàn va chạm trực tiếp giữa các chiến lược quyền lực của nhiều cường quốc, trước hết là Hoa Kỳ và Trung Quốc. Sự trỗi dậy nhanh chóng của Trung Quốc, các hành động tranh chấp trên biển, cạnh tranh công nghệ, tái cấu trúc chuỗi cung ứng, sự gia tăng của các cơ chế liên minh và tiểu đa phương, cùng những bất ổn tại bán đảo Triều Tiên, eo biển Đài Loan và Biển Đông đã làm cho môi trường an ninh khu vực ngày càng trở nên phức tạp. Trong bối cảnh đó, chiến lược của Hoa Kỳ đối với Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đã trở thành trọng tâm trong tư duy chiến lược toàn cầu của Washington.

Dưới chính quyền Tổng thống Donald Trump 1.0, Hoa Kỳ đã thúc đẩy mạnh mẽ khái niệm "Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở", nhấn mạnh cạnh tranh chiến lược với Trung Quốc, đề cao nguyên tắc tự do hàng hải, trật tự dựa trên luật lệ và vai trò của các đồng minh, đối tác trong khu vực. Tuy nhiên, cách tiếp cận của chính quyền Trump 1.0 cũng mang dấu ấn rõ rệt của chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa đơn phương có chọn lọc và

Cite this article as: Nguyen, H. V., Bui, T. T., Latdavanh, I. (2026). The adjustment of U.S. Security strategy in the Indo-Pacific under the Donald Trump 2.0 administration. *UED Journal of Social Sciences, Humanities and Education*, *16*(01), 90-99.
https://doi.org/10.47393/jshe.vol16.i1.3961

tư duy "Nước Mỹ trên hết". Thể hiện qua việc Hoa Kỳ vừa thúc đẩy cạnh tranh chiến lược với Trung Quốc, vừa tạo ra những bất định trong quan hệ với đồng minh và đối tác, đặc biệt trên các vấn đề thương mại, chia sẻ gánh nặng an ninh và cam kết đa phương. Khi Donald Trump trở lại Nhà Trắng trong nhiệm kỳ 2.0, vấn đề đặt ra không chỉ là sự tiếp nối của các định hướng cũ mà còn là khả năng điều chỉnh chiến lược của Hoa Kỳ trong một môi trường khu vực đã thay đổi sâu sắc hơn nhiều so với giai đoạn trước. Nhất là khi cạnh tranh chiến lược hiện nay không còn giới hạn trong lĩnh vực quân sự hoặc ngoại giao truyền thống. An ninh quốc gia của Hoa Kỳ tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đang ngày càng được mở rộng sang các lĩnh vực kinh tế, công nghệ, thương mại, khoáng sản thiết yếu, năng lượng, dữ liệu, bán dẫn và khả năng kiểm soát chuỗi cung ứng. Chính quyền Trump 2.0 có xu hướng tiếp cận khu vực không chỉ như một không gian địa chính trị mà còn như một không gian địa kinh tế, nơi năng lực kiểm soát thị trường, công nghệ, đầu tư, nguyên liệu chiến lược và mạng lưới đối tác có ý nghĩa trực tiếp đối với vị thế quyền lực của Hoa Kỳ.

Hiện nay, sự điều chỉnh chiến lược an ninh của Hoa Kỳ tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương dưới chính quyền Trump 2.0 cần được nhìn nhận như một quá trình tái cấu trúc ưu tiên chiến lược, trong đó Washington vừa tìm cách duy trì ưu thế quân sự, vừa mở rộng các công cụ cạnh tranh phi quân sự nhằm kiềm chế ảnh hưởng của Trung Quốc và củng cố vị thế lãnh đạo của mình trong trật tự khu vực. Cách tiếp cận này có thể làm gia tăng năng lực răn đe của Hoa Kỳ, thúc đẩy các liên kết an ninh với đồng minh và đối tác, đồng thời tạo thêm động lực cho việc tái định hình chuỗi cung ứng và hợp tác công nghệ. Tuy nhiên, nó cũng có thể làm gia tăng tính bất định của môi trường khu vực, tạo sức ép lựa chọn đối với các quốc gia vừa và nhỏ, làm sâu sắc hơn xu hướng phân cực trong cấu trúc an ninh Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Có thể khẳng định rằng, sự điều chỉnh chiến lược của Hoa Kỳ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Việc Hoa Kỳ gia tăng hiện diện và thúc đẩy hợp tác với các đối tác tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương có thể mở ra nhiều cơ hội cho Việt Nam trong việc đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, nâng cao vị thế quốc tế, thu hút đầu tư chất lượng cao, phát triển năng lực công nghệ và tăng cường hợp tác an ninh phi truyền thống. Tuy nhiên, những điều chỉnh này cũng đặt Việt Nam trước các thách thức không nhỏ, nhất là nguy cơ bị cuốn vào cạnh tranh nước lớn, sức ép từ các chính sách thương mại - công nghệ của Hoa Kỳ, cũng như yêu cầu phải duy trì cân bằng tinh tế giữa hợp tác với Hoa Kỳ và ổn định quan hệ với Trung Quốc.

Trên cơ sở đó, bài viết tập trung làm rõ các vấn đề sau: phân tích bối cảnh quốc tế và khu vực tác động đến sự điều chỉnh chiến lược an ninh của Hoa Kỳ tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương dưới chính quyền Trump 2.0; nhận diện những nội dung điều chỉnh chủ yếu trong cách tiếp cận của Hoa Kỳ, đặc biệt là sự kết hợp giữa công cụ quân sự, liên minh - đối tác, địa kinh tế, công nghệ và chuỗi cung ứng; đưa ra các đánh giá tác động của sự điều chỉnh này đối với cấu trúc an ninh khu vực và hàm ý chính sách đối với Việt Nam.

2. Động lực thúc đẩy chính quyền Tổng thống D.Trump 2.0 điều chỉnh chiến lược an ninh tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương

Sự điều chỉnh chiến lược an ninh của Hoa Kỳ tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương dưới chính quyền Tổng thống D. Trump 2.0 bắt nguồn từ sự đan xen giữa các biến động cấu trúc của môi trường quốc tế, cạnh tranh quyền lực tại khu vực và những chuyển dịch trong tư duy chiến lược nội tại của Chính phủ Hoa Kỳ. Trước hết, Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương nổi lên như trung tâm cạnh tranh chiến lược toàn cầu đã tạo sức ép buộc Hoa Kỳ phải tái định vị cách tiếp cận an ninh theo hướng linh hoạt, thực dụng và đa chiều hơn. Trên phương diện an ninh truyền thống, sự gia tăng hoạt động của Trung Quốc tại Biển Đông, đặc biệt là việc mở rộng chiến thuật "vùng xám" và chuyển trọng tâm gây sức ép từ Bãi Cỏ Mây sang khu vực Scarborough đã làm cho môi trường chiến lược khu vực trở nên phức tạp và khó dự đoán hơn. Điều này thúc đẩy Hoa Kỳ chuyển từ mô hình răn đe dựa chủ yếu vào hiện diện quân sự thường trực sang cách tiếp cận răn đe linh hoạt kết hợp hiện diện phân tán, phối hợp đồng minh và các biện pháp phi đối xứng nhằm hạn chế khả năng Trung Quốc thay đổi nguyên trạng bằng các hành động dưới ngưỡng xung đột vũ trang (Leon Li et al., 2026). Tại Đông Bắc Á, sự phát triển nhanh chóng của chương trình tên lửa và hạt nhân Triều Tiên gắn liền với sự ra đời các dòng tên lửa nhiên liệu rắn như Hwasong-18, Hwasong-19 và công nghệ lướt siêu thanh, đã làm suy giảm hiệu quả của các hệ thống phòng thủ hiện có, buộc Hoa Kỳ phải củng cố năng lực răn đe và tăng cường năng lực phòng thủ khu vực (IISS, 2023).

Bên cạnh nhân tố an ninh, động lực kinh tế và công nghệ đang ngày càng giữ vai trò trung tâm trong sự điều chỉnh chiến lược của Hoa Kỳ. Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương là không gian địa kinh tế then chốt, chiếm khoảng 46% GDP toàn cầu theo sức mua tương đương năm 2024 và được dự báo đạt mức tăng trưởng 5,1% vào năm 2025 (Katz, 2024; Asian Development Bank, 2025). Trong bối cảnh đó, cạnh tranh chiến lược không còn giới hạn ở quyền kiểm soát lãnh thổ, tuyến hàng hải hay căn cứ quân sự mà không ngừng mở rộng sang quyền kiểm soát công nghệ lõi, chuỗi cung ứng, khoáng sản thiết yếu và các khâu trung gian của sản xuất toàn cầu. Nhất là khi Trung Quốc tuy chỉ khai thác khoảng 10% sản lượng khoáng sản chiến lược, nhưng lại kiểm soát từ 40% đến 90% công suất tinh chế, nắm giữ vị trí then chốt trong các chuỗi cung ứng có ý nghĩa sống còn đối với công nghiệp quốc phòng, năng lượng sạch, bán dẫn và công nghệ cao (Zhou, 2026). Trong khi các nỗ lực của Hoa Kỳ nhằm tái cấu trúc chuỗi cung ứng thông qua chiến lược "Trung Quốc + 1" vẫn bộc lộ nhiều giới hạn, bởi các quốc gia tiếp nhận dịch chuyển sản xuất chủ yếu tham gia ở khâu lắp ráp và vẫn phụ thuộc đáng kể vào nguồn đầu vào từ Trung Quốc (Marina Yue Zhang, 2024). Thực tế này khiến Chính phủ Hoa Kỳ nhận thức rõ rằng các ưu thế chiến lược trong giai đoạn mới không chỉ được quyết định bởi năng lực quân sự mà còn bởi khả năng kiểm soát các mắt xích giá trị cốt lõi của nền kinh tế công nghệ toàn cầu.

Trong cách tiếp cận nội tại, sự điều chỉnh chiến lược còn phản ánh sự thay đổi trong nền tảng tư duy đối ngoại của chính quyền Trump 2.0. Khác với mô hình chủ nghĩa quốc tế tự do vốn nhấn mạnh vai trò lãnh đạo toàn cầu, thể chế đa phương và cam kết dài hạn, chính quyền Trump 2.0 có xu hướng chuyển sang cách tiếp cận hiện thực - dân tộc, đặt lợi ích quốc gia, chủ quyền kinh tế và an ninh nội địa lên hàng đầu. Trong cách tiếp cận này, toàn cầu hóa không còn được xem như động lực để mở rộng sự thịnh vượng mà đang được nhìn nhận như một trong những nguyên nhân làm suy yếu nền tảng công nghiệp, làm gia tăng phụ thuộc bên ngoài và tác động tiêu cực đến tầng lớp trung lưu Hoa Kỳ (The White House, 2025a). Do đó, Washington ưu tiên chiến lược mang tính chọn lọc, tập trung nguồn lực vào các lợi ích cốt lõi, giảm bớt những cam kết không trực tiếp phục vụ lợi ích quốc gia và triển khai chính sách đối ngoại theo hướng có điều kiện, mang tính trao đổi rõ rệt hơn. Đồng thời, khái niệm sức mạnh quốc gia cũng được mở rộng, bao gồm năng lực quân sự truyền thống gắn với tự chủ công nghiệp, kiểm soát tài nguyên chiến lược, năng lực đổi mới sáng tạo và làm chủ công nghệ lõi (The White House, 2017; The White House, 2022).

Từ những động lực trên, có thể thấy sự điều chỉnh chiến lược an ninh của Hoa Kỳ tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương dưới chính quyền Trump 2.0 không phải là một phản ứng đơn lẻ trước sự trỗi dậy của Trung Quốc, đó còn là kết quả của quá trình tái định hình toàn diện trong nhận thức về quyền lực, an ninh và cạnh tranh chiến lược. Các yếu tố bên ngoài như cạnh tranh Mỹ - Trung, bất ổn Biển Đông, thách thức Triều Tiên, cạnh tranh chuỗi cung ứng và khoáng sản thiết yếu kết hợp với các động lực nội tại như chủ nghĩa dân tộc kinh tế, tái công nghiệp hóa và tư duy "Nước Mỹ trên hết" đã thúc đẩy Washington chuyển sang cách tiếp cận tích hợp hơn. Trong đó, công cụ quân sự, kinh tế, công nghệ và liên minh đối tác được vận dụng đồng thời nhằm duy trì ưu thế chiến lược, giảm phụ thuộc vào các chuỗi cung ứng do Trung Quốc chi phối và tái định vị vai trò của Hoa Kỳ trong một môi trường khu vực ngày càng phân mảnh, cạnh tranh và khó dự đoán.

3. Hoạt động điều chỉnh chiến lược an ninh của Hoa Kỳ tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương dưới chính quyền Trump 2.0

Từ cơ sở thay đổi nhận thức, chính quyền Trump 2.0 không chỉ điều chỉnh nhận thức về lợi ích của Hoa Kỳ tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương mà không ngừng từng bước chuyển hóa nhận thức đó thành các chính sách cụ thể. Điểm đáng chú ý là Washington không triển khai chiến lược khu vực theo một hướng đơn nhất, họ tiến hành kết hợp đồng thời nhiều công cụ như quân sự, liên minh, thương mại, công nghệ, chuỗi cung ứng và quản trị cạnh tranh với Trung Quốc. Cách tiếp cận này cho thấy Hoa Kỳ vẫn coi Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương là không gian ưu tiên, nhưng phương thức can dự trở nên chọn lọc hơn, gắn chặt hơn với lợi ích trực tiếp của nước Mỹ và ít dựa trên các cam kết mang tính bao quát như trước.

Trên phương diện an ninh quốc phòng, chính quyền Trump 2.0 có xu hướng duy trì ưu thế quân sự của Hoa Kỳ nhưng triển khai theo cách linh hoạt và tiết kiệm nguồn lực hơn. Thay vì dựa chủ yếu vào sự hiện diện thường trực quy mô lớn, Hoa kỳ chú trọng nhiều hơn đến

việc phân tán năng lực răn đe, tăng khả năng cơ động và tận dụng vai trò của các đồng minh, đối tác trong khu vực. Việc Hoa Kỳ ban hành Sắc lệnh 14383 về "Chiến lược Chuyển giao Vũ khí" ngày 06/02/2026 cho thấy chuyển giao quốc phòng không chỉ là công cụ hỗ trợ đồng minh mà trở thành một bộ phận của chiến lược cạnh tranh. Chính sách này ưu tiên đẩy nhanh các hợp đồng có giá trị địa chiến lược, nới lỏng một số ràng buộc liên quan đến nhân quyền và giám sát sau chuyển giao, đồng thời vẫn chú trọng ngăn ngừa rò rỉ công nghệ nhạy cảm (Abramson & Klare, 2026). Qua đó, Hoa Kỳ vừa thúc đẩy ngành công nghiệp quốc phòng trong nước, vừa nâng cao năng lực tác chiến của các đối tác để họ có thể chia sẻ nhiều hơn trách nhiệm duy trì cân bằng khu vực. Cách tiếp cận này cũng thể hiện trong chính sách đối với các điểm nóng an ninh. Với Đài Loan, Hoa kỳ tiếp tục duy trì viện trợ quân sự và phản đối các hành động đơn phương làm thay đổi nguyên trạng, nhưng tránh đưa ra cam kết bảo vệ rõ ràng có thể làm gia tăng nguy cơ đối đầu trực tiếp với Trung Quốc. Một số gói vũ khí vẫn được thúc đẩy, trong khi một số hạng mục có thể bị trì hoãn hoặc điều chỉnh để phục vụ tính toán rộng hơn trong quan hệ Mỹ - Trung (Klingner, 2026). Ở cấp độ khu vực, Hoa Kỳ tăng cường các hoạt động tập trận và bố trí năng lực răn đe mới, bao gồm Talisman Sabre 2025, Balikatan 2025, triển khai hệ thống NMESIS, khởi động dự án phòng thủ tên lửa "Golden Dome" và thúc đẩy hợp tác với Nhật Bản trong xây dựng năng lực phòng thủ liên hợp (U.S. Department of Defense, 2025). Những động thái này cho thấy Hoa Kỳ không rút khỏi khu vực, nhưng đang điều chỉnh sự hiện diện theo hướng cơ động, phân tán và gắn chặt hơn với mạng lưới đối tác.

Quan hệ liên minh và đối tác được vận hành một cách thực dụng rõ ràng hơn. Nếu trong các chính quyền tiền nhiệm, Hoa Kỳ thường nhấn mạnh giá trị chiến lược lâu dài của các liên minh thì dưới thời Trump 2.0, các cam kết an ninh ngày càng gắn với mức độ đóng góp cụ thể của từng đối tác. Điều này thể hiện rõ trong yêu cầu các đồng minh tăng chi tiêu quốc phòng, đóng góp tài chính nhiều hơn cho lực lượng Hoa Kỳ đồn trú và tham gia sâu hơn vào các chuỗi cung ứng chiến lược. Trường hợp Hàn Quốc cho thấy Hoa Kỳ đã gây sức ép để Seoul tăng ngân sách quốc phòng lên khoảng 3,8% GDP, đồng thời mở rộng đóng góp tài chính cho sự hiện diện quân sự của Hoa Kỳ, gắn với các thỏa thuận thương mại và cắt giảm thuế quan (Lim Hui Jie, 2025). Đối với Nhật Bản, Tokyo tiếp tục tăng cường đầu tư quốc phòng và mở rộng vai trò trong liên minh nhằm thích ứng với môi trường an ninh bất định hơn, củng cố vị thế của mình trong cấu trúc chiến lược do Hoa Kỳ dẫn dắt (Kleine-Brockhoff, 2026). Nhưng sự thực dụng này cũng tạo ra những hệ quả trái chiều. Một mặt, nó thúc đẩy các đồng minh chủ động hơn trong việc nâng cao năng lực tự vệ và chia sẻ trách nhiệm khu vực. Mặt khác, nó làm gia tăng nghi ngại về độ ổn định trong cam kết của Hoa Kỳ. Trong khuôn khổ AUKUS, Trụ cột về hợp tác công nghệ cao tiếp tục gặp khó khăn do các rào cản về kiểm soát xuất khẩu, hạn chế nguồn lực và ưu tiên chính sách "Nước Mỹ trên hết" (CRS, 2025). Điều này cho thấy ngay cả trong các cơ chế hợp tác thân cận nhất, Hoa Kỳ vẫn phải cân bằng giữa nhu cầu chia sẻ công nghệ với đồng minh và mong muốn bảo vệ ưu thế công nghệ của chính mình. Đối với ASEAN, Hoa Kỳ thể hiện cách tiếp cận linh hoạt hơn, tham gia các diễn đàn khu vực nhưng ưu tiên những thỏa thuận có giá trị thực chất và ngắn hạn hơn là đầu tư dài hạn vào thể chế. Hoa Kỳ tham gia Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN - Hoa Kỳ năm 2025 và thúc đẩy những sáng kiến như "Hiệp định Hòa bình Kuala Lumpur" phản ánh nỗ lực duy trì hiện diện, nhưng theo cách có chọn lọc và ít ràng buộc hơn (Felix Heiduk & Nora Hell, 2025).

Trong thực tế cầm quyền, chính quyền Trump 2.0 sử dụng mạnh hơn các công cụ kinh tế và thương mại để phục vụ mục tiêu an ninh. Thuế quan không còn là biện pháp điều chỉnh cán cân thương mại mà trở thành công cụ gây sức ép chiến lược đối với cả đối thủ lẫn đối tác. Washington áp dụng các biện pháp thuế quan diện rộng, điều chỉnh linh hoạt quanh mức 10-15%, nhằm buộc các nước phải mở cửa thị trường, tăng nhập khẩu hàng hóa Hoa Kỳ, điều chỉnh chính sách công nghiệp và tham gia sâu hơn vào quá trình tái công nghiệp hóa của Mỹ (The White House, 2026). Chính sách này tạo ra một mô hình mặc cả mới, trong đó tiếp cận thị trường Hoa Kỳ được sử dụng như đòn bẩy để đổi lấy nhượng bộ về thương mại, đầu tư, năng lượng, quốc phòng hoặc chuỗi cung ứng. Các trường hợp Nhật Bản và Indonesia cho thấy rõ cách vận hành của mô hình này. Với Nhật Bản, Hoa Kỳ thúc đẩy các thỏa thuận kinh tế - công nghệ gắn với đầu tư công nghiệp, năng lượng, nông sản, khoáng sản chiến lược và công nghệ tương lai. Với Indonesia, Washington sử dụng ưu đãi thuế quan để đổi lấy việc Jakarta mở cửa thị trường, nới lỏng hạn chế xuất khẩu khoáng sản quan trọng và tăng nhập khẩu hàng hóa Hoa Kỳ. Những thỏa

thuận này cho thấy chính sách kinh tế của Hoa Kỳ tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đang chuyển từ tự do hóa thương mại sang thương lượng chiến lược, trong đó mỗi ưu đãi kinh tế đều gắn với một mục tiêu chính trị hoặc an ninh cụ thể.

Cạnh tranh công nghệ và chuỗi cung ứng trở thành mặt trận then chốt trong thực tiễn điều chỉnh chiến lược của Hoa Kỳ. Washington thúc đẩy các sáng kiến nhằm xây dựng mạng lưới cung ứng ít phụ thuộc hơn vào Trung Quốc, nhất là trong các lĩnh vực bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, khoáng sản thiết yếu, năng lượng và công nghệ quốc phòng. Các khuôn khổ như "Pax Silica" và các thỏa thuận với Ấn Độ, Nhật Bản, Hà Lan cùng một số đối tác khác cho thấy Hoa Kỳ đang tìm cách hình thành một hệ sinh thái công nghệ - công nghiệp có tính chọn lọc, trong đó các đối tác được phân công theo thế mạnh riêng về tài nguyên, chế biến, sản xuất, tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc năng lực đổi mới (United States Department of State, 2026). Dù vậy, quá trình này thật sự không dễ dàng. Việc xây dựng năng lực tinh chế khoáng sản, sản xuất bán dẫn hoặc phát triển công nghệ lõi cần có thời gian dài, vốn lớn và sự phối hợp chính sách bền vững giữa các đồng minh. Trong khi đó, Trung Quốc vẫn nắm giữ lợi thế đáng kể ở nhiều khâu trung gian, đặc biệt là tinh chế khoáng sản chiến lược và sản xuất linh kiện đầu vào. Do đó, nỗ lực giảm phụ thuộc của Hoa Kỳ vừa mang tính cấp bách, vừa đối mặt với độ trễ lớn về năng lực thực tế. Đây là điểm khiến chiến lược mà Hoa Kỳ phải kết hợp giữa cạnh tranh, kiểm soát xuất khẩu, thuế quan, đầu tư công nghiệp và thỏa thuận song phương với từng đối tác.

Ngoài ra, chính sách đối với Trung Quốc dưới thời Trump 2.0 không chỉ là đối đầu mà còn là cạnh tranh có kiểm soát. Hoa Kỳ tìm cách thiết lập các giới hạn chiến lược nhằm ngăn Trung Quốc vươn lên vị thế bá quyền khu vực, nhưng đồng thời vẫn duy trì khả năng thỏa hiệp khi lợi ích kinh tế và ổn định hệ thống đòi hỏi. Khi Hoa Kỳ áp mức thuế tương hỗ lên tới 34% vào tháng 4/2025, Trung Quốc đáp trả bằng cách tăng thuế đối với hàng hóa Hoa Kỳ lên 125%, siết xuất khẩu đất hiếm, indium và nhiều khoáng sản chiến lược khác nhằm gây sức ép lên các ngành quốc phòng và bán dẫn của Mỹ (Jin et al., 2025). Trung Quốc cũng tăng cường sử dụng các công cụ pháp lý như Unreliable Entity List, Blocking Statute và Nghị định 834 về An ninh Chuỗi Cung ứng để tạo rủi ro cho các doanh nghiệp tuân thủ lệnh trừng phạt của Washington (USCC, 2026; Alert, 2026). Cũng chính sự leo thang chi phí này khiến hai bên phải điều chỉnh theo hướng vừa cạnh tranh vừa mặc cả. Thỏa thuận Busan tháng 11/2025 là biểu hiện rõ của trạng thái đó khi Hoa Kỳ nới lỏng một phần thuế quan và hạn chế xuất khẩu, trong khi Trung Quốc giảm kiểm soát đối với một số tài nguyên chiến lược, tăng nhập khẩu nông sản Hoa Kỳ và hạ nhiệt căng thẳng thương mại (Yeager, 2026). Điều này không có nghĩa là cạnh tranh Mỹ - Trung suy giảm mà đã cho thấy cạnh tranh đang được quản trị theo hướng thực dụng hơn. Hai bên vẫn tìm cách hạn chế lợi thế của nhau, nhưng cũng tránh đối đầu vượt ngưỡng gây tổn hại nghiêm trọng cho chính mình và cho hệ thống kinh tế toàn cầu.

4. Tác động từ sự điều chỉnh chiến lược an ninh của Hoa Kỳ đến cấu trúc an ninh khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và hàm ý chính sách đối với Việt Nam

Sự điều chỉnh chiến lược an ninh của Hoa Kỳ dưới chính quyền Trump 2.0 đang tạo ra những tác động đa chiều đối với cấu trúc khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Những tác động này không chỉ thể hiện trong lĩnh vực quân sự, an ninh quốc phòng mà còn lan rộng sang kinh tế, chuỗi cung ứng, thể chế khu vực, quan hệ đồng minh, an ninh khí hậu và không gian chính sách của các quốc gia vừa và nhỏ. Đối với Việt Nam, đây là một môi trường vừa mở ra cơ hội mở rộng hợp tác với Hoa Kỳ và các đối tác cùng chí hướng, cũng vừa đặt ra yêu cầu phải quản trị rủi ro chiến lược thận trọng hơn, nhất là trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn ngày càng gắn chặt với thương mại, công nghệ, tài nguyên và an ninh biển.

Thứ nhất, sự điều chỉnh chiến lược an ninh của Hoa Kỳ dưới chính quyền Trump 2.0 tác động rõ nhất là sự tái cấu trúc các chuỗi cung ứng và trật tự kinh tế khu vực. Khi Hoa Kỳ sử dụng thuế quan, kiểm soát xuất khẩu và chính sách công nghiệp như các công cụ chiến lược, cấu trúc kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương đang chuyển từ mô hình tối ưu hóa chi phí sang mô hình ưu tiên an toàn, tăng khả năng kiểm soát và mức độ tin cậy chính trị. Theo UNDP, các điều chỉnh chính sách của Hoa Kỳ đã thúc đẩy tiến trình tái cơ cấu kinh tế khu vực theo ba giai đoạn, đó là ổn định, đa dạng hóa và phân hóa (UNDP, 2025). Trong ngắn hạn, việc gia tăng thuế quan và xu hướng an ninh hóa kinh tế làm tăng chi phí sản xuất, logistics và tài chính, tạo sức ép lạm phát và buộc Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ duy trì mặt bằng lãi suất cao

trong thời gian dài (Jaehyon, 2024). Hệ quả là nhiều nền kinh tế đang phát triển có thể đối diện nguy cơ rút vốn, giảm giá đồng nội tệ và gia tăng áp lực nợ công. Ngay cả Hoa Kỳ cũng khó tránh khỏi tác động ngược, khi các biện pháp trả đũa thương mại có thể làm GDP dài hạn sụt giảm từ 0,2% đến 0,5% (Durante & York, 2026). Đối với Việt Nam, sự thay đổi này có ý nghĩa trực tiếp. Là nền kinh tế có độ mở cao và phụ thuộc lớn vào xuất khẩu, Việt Nam vừa có cơ hội đón nhận dòng vốn dịch chuyển khỏi Trung Quốc, vừa chịu áp lực lớn hơn từ các biện pháp thuế quan và kiểm soát xuất xứ. Dữ liệu của UNDP cho thấy xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ của một số nền kinh tế châu Á - Thái Bình Dương đã sụt giảm đáng kể, trong đó có Việt Nam với mức giảm khoảng 19% (UNDP, 2025). Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ chiếm gần 30% GDP, khiến các cú sốc thuế quan có thể lan rộng sang sản xuất, việc làm, nguồn thu ngoại tệ và ổn định vĩ mô (Liu & Lai, 2025). Một rủi ro khác là Việt Nam có thể bị xem như điểm trung chuyển để lẩn tránh thuế quan, nhất là khi nhiều doanh nghiệp nước ngoài tận dụng Việt Nam như địa bàn lắp ráp cuối cùng nhưng vẫn phụ thuộc mạnh vào linh kiện, nguyên liệu và bán thành phẩm từ Trung Quốc (Shoji, 2025). Do đó, trong tương lai gần, Việt Nam không chỉ là tiếp tục thu hút FDI mang tính đại trà mà cần chuyển sang sàng lọc FDI theo chất lượng, kiểm soát xuất xứ hàng hóa chặt chẽ hơn, nâng tỷ lệ nội địa hóa và phát triển năng lực công nghiệp hỗ trợ. Việt Nam cũng cần mở rộng thị trường thông qua các FTA hiện có, sử dụng thị trường nội địa như một vùng đệm nhằm giảm độ tổn thương trước các cú sốc từ bên ngoài.

Thứ hai, trong lĩnh vực an ninh quốc phòng, sự điều chỉnh của Hoa Kỳ làm cho cấu trúc răn đe khu vực trở nên linh hoạt hơn nhưng cũng bất định hơn. Chính việc Hoa Kỳ giảm bớt các cam kết hiện diện lực lượng thường trực, ưu tiên răn đe phân tán, chuyển giao năng lực và chia sẻ trách nhiệm với đồng minh có thể giúp Hoa Kỳ giảm chi phí trực tiếp. Tuy nhiên, cách tiếp cận này cũng tạo ra khoảng trống nhất định tại các điểm nóng, đặc biệt là Biển Đông, nơi các hoạt động vùng xám, cưỡng ép dưới ngưỡng xung đột và áp đặt thực địa có thể gia tăng nếu thiếu một sự hiện diện răn đe đủ rõ ràng của Hoa Kỳ (Asia Pacific Task Force, 2026). Nghịch lý ở đây là năng lực răn đe chiến lược của Hoa Kỳ có thể được hiện đại hóa, nhưng cảm nhận an ninh của các quốc gia ven biển lại không nhất thiết được cải thiện nếu sự hiện diện thực tế của Hoa Kỳ trở nên khó đoán định hơn. Tác động này đặc biệt quan trọng đối với Việt Nam. Rõ ràng rằng Việt Nam không thể đặt an ninh biển của mình vào kỳ vọng về một cơ chế răn đe bên ngoài, nhưng cũng không thể tách rời khỏi các biến động chiến lược tại Biển Đông. Trong bối cảnh đó, Việt Nam phải ưu tiên nâng cao năng lực tự chủ trong quản trị an ninh biển. Trọng tâm không chỉ nằm ở hiện đại hóa quốc phòng mà còn ở năng lực cảnh báo sớm, giám sát thực địa, thực thi pháp luật trên biển, phối hợp giữa các lực lượng dân sự, bán quân sự, quân sự và khả năng xử lý khủng hoảng dưới ngưỡng xung đột. Đồng thời, Việt Nam cần tiếp tục khai thác luật pháp quốc tế, đặc biệt là UNCLOS 1982 như một nền tảng quan trọng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trên biển, tránh để các tranh chấp bị đẩy vào tình thế đối đầu quân sự giữa các cường quốc.

Thứ ba, sự thay đổi trong chính sách liên minh của Hoa Kỳ đang thúc đẩy xu hướng tự chủ chiến lược mạnh hơn trong nội bộ các đồng minh và đối tác. Khi Hoa Kỳ yêu cầu chia sẻ gánh nặng quốc phòng nhiều hơn, đồng thời đặt quan hệ an ninh trong các gói trao đổi thương mại, công nghệ và tài chính, niềm tin chiến lược của một số đồng minh đối với Hoa Kỳ có dấu hiệu suy giảm. Tại Australia, khảo sát Lowy năm 2025 cho thấy mức độ tin cậy đối với Hoa Kỳ giảm 20%, xuống mức 36% (Edel et al., 2025, p. 13). Xu hướng tương tự cũng xuất hiện ở Nhật Bản, Hàn Quốc và Australia, khi các nước này vừa duy trì liên minh với Hoa Kỳ, vừa chủ động phát triển năng lực răn đe độc lập, mở rộng hợp tác với các đối tác khác và chuẩn bị cho kịch bản Hoa Kỳ khó đoán định hơn trong dài hạn (Sneider, 2025). Hệ quả là cấu trúc an ninh khu vực trở nên đa tầng hơn. Thay vì phụ thuộc tuyệt đối vào mạng lưới liên minh do Hoa Kỳ dẫn dắt, các quốc gia có xu hướng kết hợp nhiều lớp hợp tác khác nhau như các liên minh truyền thống, tiểu đa phương, hợp tác song phương linh hoạt, hợp tác công nghệ quốc phòng và các cơ chế an ninh phi truyền thống. Đây vừa là thách thức vừa là cơ hội đối với Việt Nam. Hoạt động hợp tác an ninh với Hoa Kỳ và các đồng minh của Hoa Kỳ có thể đi kèm những điều kiện chính trị, công nghệ hoặc chiến lược nhưng không phải lúc nào cũng phù hợp với nguyên tắc "Bốn không" trong chính sách quốc phòng. Nhưng Việt Nam sẽ có thêm không gian để đa dạng hóa đối tác, tăng cường hợp tác thực chất với Nhật Bản, Ấn Độ, Australia, Hàn Quốc, EU và ASEAN trong các lĩnh vực ít nhạy cảm hơn như an ninh hàng hải, đào tạo, công

nghiệp quốc phòng lưỡng dụng, an ninh mạng, cứu hộ cứu nạn và nâng cao năng lực thực thi pháp luật trên biển.

Thứ tư, sự thu hẹp cam kết đa phương của Hoa Kỳ làm suy yếu một số cấu trúc thể chế khu vực, qua đó đặt ASEAN trước sức ép lớn hơn trong việc duy trì vai trò trung tâm. Dưới thời Trump 2.0, xu hướng đơn phương và chọn lọc của Hoa Kỳ thể hiện qua việc rút khỏi hoặc giảm tham gia vào nhiều tổ chức, hiệp ước và cơ chế quốc tế, trong đó có Thỏa thuận Paris, WHO và UNESCO (The White House, 2026a; NIDS, 2026, pp. 20-29). Đối với Đông Nam Á, các biểu hiện như chưa bổ nhiệm đại sứ tại ASEAN trong một số thời điểm, vắng mặt tại EAS, đóng cửa USAID và chấm dứt một số khoản tài trợ phát triển, bao gồm khoản hỗ trợ 5 triệu USD cho MRC, đã làm dấy lên lo ngại về mức độ ưu tiên thực sự của Washington đối với thể chế khu vực (Shoji, 2025; NIDS, 2026, pp. 20-29). Sự suy giảm vai trò thể chế của Hoa Kỳ tạo ra khoảng trống mà Trung Quốc có thể tận dụng thông qua BRI, hợp tác hạ tầng, tín dụng phát triển và các cơ chế kinh tế song phương. Đồng thời, các lựa chọn thay thế như BRICS hoặc các cơ chế tiểu đa phương cũng trở nên hấp dẫn hơn đối với một số quốc gia ASEAN đang tìm kiếm chiến lược phòng ngừa rủi ro (Edel et al., 2025; NIDS, 2026, pp. 20-29). Điều này đặt ra yêu cầu cho Việt Nam phải bảo vệ và làm mới vai trò trung tâm của ASEAN, thay vì chỉ dựa vào ASEAN như một cấu trúc cố định. Việt Nam cần tăng cường phối hợp với các nước có lợi ích tương đồng như Indonesia, Singapore và Philippines trong các vấn đề Biển Đông, luật pháp quốc tế, kết nối hạ tầng, an ninh nguồn nước và ổn định khu vực. Bên cạnh đó, việc mở rộng hợp tác với EU, Nhật Bản, Australia, WB và ADB có thể giúp Việt Nam đa dạng hóa nguồn lực phát triển, giảm phụ thuộc vào một nguồn hỗ trợ duy nhất và nâng cao năng lực thích ứng trong môi trường khu vực phân mảnh.

Thứ năm, tác động của sự điều chỉnh chiến lược Hoa Kỳ còn thể hiện trong lĩnh vực an ninh khí hậu và chuyển đổi năng lượng. Việc Hoa Kỳ rút khỏi Thỏa thuận Paris không chỉ làm suy yếu nỗ lực giảm phát thải toàn cầu, mà còn tác động trực tiếp đến các quốc gia dễ tổn thương tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Climate Action Tracker cảnh báo rằng việc bãi bỏ các chính sách khí hậu có thể khiến lượng phát thải của Hoa Kỳ vào năm 2030 cao hơn ít nhất 3% so với kịch bản duy trì các cam kết trước đó (Climate Action Tracker, 2019). Trong khi đó, Báo cáo ETR 2025 cho thấy khoảng 1,9 tỷ người đang sống trong tình trạng thiếu nước nghiêm trọng, còn lượng nước ngọt bình quân đầu người đã giảm mạnh từ khoảng 18.000 m^3 năm 1950 xuống hơn 5.000 m^3 vào năm 2025 (ETR, 2025). Tại Đông Nam Á, suy giảm nguồn nước sông Mekong, biến đổi khí hậu và cạnh tranh tài nguyên xuyên biên giới đang đe dọa trực tiếp đến sinh kế, an ninh lương thực và ổn định xã hội (Adelphi, 2025). Đối với Việt Nam, vấn đề này không chỉ là môi trường mà là an ninh phát triển. Hoa Kỳ rút khỏi JETP năm 2025 đã làm đình trệ các gói hỗ trợ chuyển đổi năng lượng trị giá khoảng 15,5 tỷ USD cho Việt Nam và 20 tỷ USD cho Indonesia (Japhet Quitzon, 2025). Trong khi đó, IEA dự báo tiêu thụ than tại Đông Nam Á tiếp tục tăng khoảng 4,5% mỗi năm trong giai đoạn 2025-2030, gây sức ép lớn đối với mục tiêu Net Zero 2050 và Quy hoạch Điện VIII của Việt Nam (Lo, 2025; Terri Chapman, 2025). Vì vậy, Việt Nam cần xem an ninh khí hậu và chuyển đổi năng lượng là một bộ phận của chiến lược an ninh quốc gia mở rộng. Chính sách cần tập trung vào đa dạng hóa nguồn vốn xanh, thúc đẩy cơ chế mua bán điện trực tiếp, phát triển thị trường carbon, nâng cấp hạ tầng truyền tải điện và mở rộng hợp tác với EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, ASEAN - Mekong và các định chế tài chính quốc tế.

Tóm lại, sự điều chỉnh chiến lược an ninh của Hoa Kỳ dưới chính quyền Trump 2.0 đang đẩy khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương vào trạng thái vừa tái liên kết, vừa phân mảnh. Các chuỗi cung ứng được tái tổ chức nhưng trở nên đắt đỏ và chính trị hóa hơn; cấu trúc răn đe được hiện đại hóa nhưng khó đoán định hơn; liên minh của Hoa Kỳ vẫn tồn tại nhưng mang tính điều kiện rõ hơn; ASEAN tiếp tục giữ vai trò quan trọng nhưng chịu sức ép lớn hơn từ cạnh tranh nước lớn; còn an ninh khí hậu và năng lượng trở thành một mặt trận dễ bị tổn thương khi các cam kết toàn cầu bị thu hẹp. Đối với Việt Nam, không phải là lựa chọn đứng về bên nào mà là nâng cao năng lực tự chủ trong một môi trường cạnh tranh ngày càng phức hợp. Điều đó đòi hỏi Việt Nam phải đồng thời củng cố nội lực kinh tế, nâng cấp năng lực an ninh biển, đa dạng hóa quan hệ đối tác, bảo vệ vai trò của ASEAN, tận dụng luật pháp quốc tế và chủ động tham gia vào các mạng lưới hợp tác mới mà không đánh mất không gian cân bằng chiến lược của mình.

5. Kết luận

Sự điều chỉnh chiến lược an ninh của Hoa Kỳ tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương dưới chính quyền Tổng

thống Donald Trump 2.0 cho thấy Washington đang chuyển sang cách tiếp cận thực dụng, chọn lọc và gắn chặt hơn với lợi ích quốc gia trực tiếp. An ninh khu vực không còn được nhìn nhận chủ yếu qua lăng kính quân sự, mà được mở rộng sang kinh tế, công nghệ, chuỗi cung ứng, khoáng sản thiết yếu và năng lực công nghiệp. Trên thực tế, Hoa Kỳ vừa duy trì răn đe quân sự và hợp tác đồng minh, vừa sử dụng thuế quan, kiểm soát xuất khẩu, chuyển giao vũ khí và hợp tác công nghệ như các công cụ cạnh tranh chiến lược với Trung Quốc. Những điều chỉnh này làm cho cấu trúc an ninh Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương trở nên phân tầng, linh hoạt nhưng cũng bất định hơn. Các đồng minh của Hoa Kỳ có xu hướng gia tăng tự chủ chiến lược, ASEAN chịu sức ép lớn hơn trong việc duy trì vai trò trung tâm, còn các quốc gia vừa và nhỏ phải đối diện với nhiều rủi ro từ cạnh tranh nước lớn. Đối với Việt Nam, bối cảnh này vừa mở ra cơ hội hợp tác với Hoa Kỳ và các đối tác khu vực, vừa đặt ra yêu cầu phải giữ vững tự chủ chiến lược, nâng cao năng lực nội sinh, củng cố an ninh biển, kiểm soát rủi ro chuỗi cung ứng và tiếp tục kiên định đường lối đối ngoại độc lập, đa phương hóa, đa dạng hóa.

Tài liệu tham khảo

Abramson, J., & Klare, M. T. (2026, March). *New Trump Strategy Promotes U.S. Arms Industry*. Arms Control Association. https://www.armscontrol.org/act/2026-03/news/new-trump-strategy-promotes-us-arms-industry

Adelphi. (2025, July 1). *Weathering Risk: Climate, Peace and Environmental Resilience in the Asia-Pacific Region, June 2025*. ReliefWeb. https://reliefweb.int/report/world/weathering-risk-climate-peace-and-environmental-resilience-asia-pacific-region-june-2025

Asia Pacific Task Force. (2026, January 27). *U.S. 2026 Defense Strategy and Indo-Pacific Deterrence Shift*. https://behorizon.org/u-s-2026-defense-strategy-indo-pacific-implications/

Asian Development Bank. (2025). *Economic Forecasts: Asian Development Outlook December 2025*. Asian Development Bank. https://www.adb.org/outlook/editions/december-2025

Alert, B. C. (2026, May 8). *China Invokes "Blocking Statute" Framework Ahead of Trump-Xi Summit*. Brownstein. https://www.bhfs.com/insight/china-invokes-blocking-statute-framework-ahead-of-trump-xi-summit/

Climate Action Tracker. (2019, November 1). *Effect of the US withdrawal from the Paris Agreement*. https://climateactiontracker.org/press/effect-of-the-us-withdrawal-from-the-paris-agreement/

CRS. (2025). *AUKUS and Indo-Pacific Security*. Congressional Research Service. https://www.congress.gov/crs-product/IF12113

Durante, A., & York, E. (2026, March 13). *Tariff Tracker: 2026 Trump Tariffs & Trade War by the Numbers*. https://taxfoundation.org/research/all/federal/trump-tariffs-trade-war/

Edel, C., Paik, K., & Augé, J. (2025). *Pacific Perspectives on Trump's Second Term: Uncertainty and Adaptation*. https://www.csis.org/analysis/pacific-perspectives-trumps-second-term-uncertainty-and-adaptation

ETR. (2025). *Ecological Threat Report 2025*. IEP-Institute for Economics & Peace. https://www.economicsandpeace.org/wp-content/uploads/2025/10/Ecological-Threat-Report-2025.pdf

Felix Heiduk & Nora Hell. (2025). *The ASEAN Summit 2025 - More Than Just a Stage for Trump (Pt. 48)*. Stiftung Wissenschaft und Politik (SWP). https://doi.org/10.18449/2025C48

IISS. (2023, July 19). *North Korea's Hwasong-18 test. IISS*. https://www.iiss.org/online-analysis/online-analysis/2023/07/north-koreas-hwasong-18-test/

Jaehyon, L. (2024, November 27). *Trump 2.0 and Southeast Asia: From Disengagement to Non-Confidence?* https://www.asaninst.org/bbs/board.php?bo_table=s1_1_eng&wr_id=208&sfl=wr_subject%7C%7Cwr_content&stx=New+Cold&sop=and

Japhet Quitzon. (2025, March 13). *The Latest on Southeast Asia: U.S. Withdrawal from JETP*. CSIS - Center for Strategic and International Studies. https://www.csis.org/blogs/latest-southeast-asia/latest-southeast-asia-us-withdrawal-jetp

Jin, S., Friedman, R. A., Epstein, J. M., McAllister, A. K., Tabor, P., & O'Casey, M. B. (2025, April 8). *China's Comprehensive Retaliation Against U.S.*

Tariffs Insights. Holland & Knight. https://www.hklaw.com/en/insights/publications/2025/04/chinas-comprehensive-retaliation-against-us-tariffs

Katz, D. H. (2024). *Strengthen American Diplomacy in the Indo-Pacific Region*. Rice University's Baker Institute for Public Policy. https://www.bakerinstitute.org/research/strengthen-american-diplomacy-indo-pacific-region

Kleine-Brockhoff, T. (2026, March 9). *Japan Doubles Down on "Plan A" vis-à-vis America*. Internationale Politik Quarterly. https://ip-quarterly.com/en/japan-doubles-down-plan-vis-vis-america

Klingner, B. (2026, March 10). *Trump Indo-Pacific policy still a work in progress*. GIS Reports. https://www.gisreportsonline.com/r/trump-indo-pacific/

Leon Li, Bonny Lin, Brian Hart, & Truly Tinsley. (2026, February 5). *Tracking China's Increased Military Activities in the Indo-Pacific in 2025*. ChinaPower Project. https://chinapower.csis.org/china-increased-military-activities-indo-pacific-2025/

Lim Hui Jie. (2025, July 30). *U.S. and South Korea strike a trade deal with tariffs on Seoul set at 15%. CNBC*. https://www.cnbc.com/2025/07/31/trump-announces-trade-deal-with-south-korea-setting-tariffs-at-15percent.html

Liu, C., & Lai, B. (2025, September 30). *Tariffs on the Move: Unpacking their Impact on Asia Pacific Logistics Markets*. https://www.cbreim.com/insights/articles/tariffs-on-the-move-unpacking-their-impact-on-asia-pacific-logistics-markets

Lo J. (2025, December 17). *Indonesia and Vietnam set for rising coal use despite JETP deals*. Climate Home News. https://www.climatechangenews.com/2025/12/17/indonesia-vietnam-coal-use-surge-jetp-phase-out-energy-fossil-fuel-iea/

Marina Yue Zhang. (2024). *Vietnam's pivot. Lowy Institute.* https://www.lowyinstitute.org/the-interpreter /vietnam-s-pivot

NIDS. (2026). *NIDS ASEAN Workshop ASEAN in the Trump 2.0 Era.* The National Institute for Defense Studies, Japan. https://www.nids.mod.go.jp/english/publication/joint_research/series23/index.html

Shoji, T. (2025, January 8). *US-ASEAN Relations under Trump 2.0: Concerns Outweigh Expectation*s. SPF. https://www.spf.org/iina/en/articles/shoji_22.html

Sneider, D. (2025, November 11). *South Korea Redefines Alliance Burden Sharing After Trump's Asia Visit. Korea Economic Institute of America*. https://keia.org/the-peninsula/south-korea-redefines-alliance-burden-sharing-after-trumps-asia-visit/

Terri Chapman. (2025, August 3). *No Justice in Just Energy Transition Partnerships for Southeast Asia*. Observer Research Foundation. https://www.orfonline.org/expert-speak/no-justice-in-just-energy-transition-partnerships-for-southeast-asia

The White House. (2017). *National Security Strategy 2017.*

The White House. (2022). *Indo-Pacific Strategy*. https://2021-2025.state.gov/indo-pacific-strategy/

The White House. (2025a). *2025 National Security Strategy (1st ed.)*. Wiley. https://doi.org/10.1002/9781119289142

The White House. (2025b, April 2). *Fact Sheet: President Donald J. Trump Declares National Emergency to Increase our Competitive Edge, Protect our Sovereignty, and Strengthen our National and Economic Security.* https://www.whitehouse.gov/fact-sheets/2025/04/fact-sheet-president-donald-j-trump-declares-national-emergency-to-increase-our-competitive-edge-protect-our-sovereignty-and-strengthen-our-national-and-economic-security/

The White House. (2026a, January 7). *Fact Sheet: President Donald J. Trump Withdraws the United States from International Organizations that Are Contrary to the Interests of the United States*. https://www.whitehouse.gov/fact-sheets/2026/01/fact-sheet-president-donald-j-trump-withdraws-the-united-states-from-international-organizations-that-are-contrary-to-the-interests-of-the-united-states/

USCC. (2026, May 5). *China Bulletin: May 5, 2026*. https://www.uscc.gov/trade-bulletins/china-bulletin-may-5-2026

UNDP. (2025, September 18). *Asia-Pacific Must Not Let Trade Turbulence Distract from Long-Term*

Development Goals. UNDP - United Nations Development Programme. https://www.undp.org/asia-pacific/press-releases/asia-pacific-must-not-let-trade-turbulence-distract-long-term-development-goals

United States Department of State. (2026). *Pax Silica*. https://www.state.gov/pax-silica

U.S. Department of Defense. (2025). *Talisman Sabre*. U.S. Department of Defense. https://www.war.gov/Spotlights/Talisman-Sabre/

Yeager, M. L., Philippe Heeren, Justin Angotti, Lizbeth Rodriguez-Johnson, Kirsten Lowell, Erika. (2026, May 7). *Trump 2.0 tariff tracker.* Trade Compliance Resource Hub. https://www.tradecomplianceresourcehub.com/2026/05/07/trump-2-0-tariff-tracker/

Zhou, H. (2026). *China's Overseas Minerals Processing Investments and Its Impact on Local Industry Diversification*. In T. S.H. Moerenhout & J. C. Jobet (Eds.), Downstream Diversification of Mineral-Rich Countries: Challenges and Opportunities to Add Value in Energy Transition Supply Chains (pp. 281-294). Springer Nature Switzerland. https://doi.org/10.1007/978-3-032-06139-3_14

THE ADJUSTMENT OF U.S. SECURITY STRATEGY IN THE INDO-PACIFIC UNDER THE DONALD TRUMP 2.0 ADMINISTRATION

Nguyen Hung Vuong[a], Bui Thanh Thuy[b], Inthaphonh Latdavanh[c]

[a, b]University of Foreign Language Studies - The University of Da Nang, Vietnam

[c]Consulate General of Laos in Da Nang, Vietnam

Corresponding Author: Nguyen Hung Vuong - Email: nhvuong@ufl.udn.vn

Article History: Received on 10th April 2026; Revised on 21st May 2026; Published on 30th May 2026

Abstract: This article analyzes the adjustment of the United States' security strategy in the Indo-Pacific region under the Donald Trump 2.0 administration amid the continued intensification of U.S.-China strategic competition, profound shifts in the regional order, and the increasingly close interconnection between traditional security issues and economics, technology, supply chains, and the control over strategic resources. Based on policy analysis, systems analysis, and the synthesis of secondary sources, the article shows that the Trump 2.0 administration tends to continue emphasizing the "America First" approach, but implements it in a more complex strategic environment than that of its first term. Accordingly, U.S. security strategy is not limited to maintaining military superiority and consolidating alliances, but also extends to geoeconomic instruments, technology control, supply chain protection, competition over critical minerals, and the repositioning of relations with regional partners. This adjustment both creates pressure on China and increases polarization and uncertainty within the Indo-Pacific security architecture. For Vietnam, these developments open up opportunities to promote cooperation with the United States in the fields of economics, technology, maritime security, and supply chains, while also posing challenges in maintaining strategic balance, safeguarding foreign policy autonomy, and minimizing the risk of being drawn into great-power competition.

Key words: United States; Trump 2.0; Indo-Pacific; regional security; U.S.-China competition; Vietnam.